

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

DẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2019

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI DẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Lê Lan Anh	-	-	-	-	Không ĐKDT
2	Lê Thị Châm Anh	1	49	7.0	Bảy	
3	Phạm Thị Vân Anh	2	37	7.0	Bảy	
4	Phùng Thị Ánh	3	16	7.5	Bảy rưỡi	
5	Triệu Phúc Bảo	4	89	6.5	Sáu rưỡi	
6	Trần Thanh Bình	5	41	6.5	Sáu rưỡi	
7	Nguyễn Thị Cảnh	6	68	6.5	Sáu rưỡi	
8	Nguyễn Quyết Chiến	7	33	7.0	Bảy	
9	Liều Văn Chu	8	24	6.5	Sáu rưỡi	
10	Lý Quang Chuyên	9	55	7.0	Bảy	
11	Phương Thị Dân	10	53	6.5	Sáu rưỡi	
12	Nguyễn Thị Ánh Đào	11	25	7.5	Bảy rưỡi	
13	Lâm Văn Đức	12	75	7.5	Bảy rưỡi	
14	Bàn Tài Đức	13	23	6.0	Sáu	
15	Đặng Hữu Đức	14	03	6.0	Sáu	
16	Trần Thị Ngọc Hà	15	02	7.5	Bảy rưỡi	
17	Trịnh Thanh Hà	16	04	8.0	Tám	
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	17	05	7.5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Hữu Hiền	18	60	7.0	Bảy	
20	Nông Thị Hiệp	19	15	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị Hiếu	20	42	7.5	Bảy rưỡi	
22	Đặng Ngọc Hiếu	21	73	7.0	Bảy	
23	Nguyễn Thị Như Hoa	22	66	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Lê Thanh Hòa	23	87	6.0	Sáu	
25	Trần Thị Thúy Hoàn	24	65	7.0	Bảy	
26	Lý Thị Hoàn	25	83	7.0	Bảy	
27	Âu Thị Hoàn	26	84	6.0	Sáu	
28	Bùi Thị Thúy Hồng	27	74	7.0	Bảy	
29	Dương Thị Hợp	28	40	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Huân	29	47	6.0	Sáu	
31	Hà Văn Hưng	30	34	6.5	Sáu rưỡi	
32	Dương Văn Huy	31	72	6.5	Sáu rưỡi	
33	Hoàng Văn Huy	32	12	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Quang Huy	33	80	6.0	Sáu	
35	Triệu Thị Thu Huyền	34	54	7.5	Bảy rưỡi	
36	Trần Thị Minh Huyền	35	19	7.5	Bảy rưỡi	
37	Diệp Thu Huyền	36	36	7.5	Bảy rưỡi	
38	Lê Duy Khương	37	82	6.5	Sáu rưỡi	
39	Ngô Văn Lâm	38	44	7.5	Bảy rưỡi	
40	Triệu Thị Lan	39	38	6.0	Sáu	
41	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	40	32	8.0	Tám	
42	Nguyễn Thị Diệu Linh	41	31	7.5	Bảy rưỡi	
43	Hoàng Thị Linh	42	43	7.5	Bảy rưỡi	
44	Vũ Thị Kim Loan	43	09	7.5	Bảy rưỡi	
45	Lâm Văn Long	44	69	6.5	Sáu rưỡi	
46	Nguyễn Thị Lương	45	14	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Văn Lượng	46	26	7.0	Bảy	
48	Ma Từ Thị Mai Ly	47	64	7.0	Bảy	
49	Thân Thị Lý	48	50	7.0	Bảy	
50	Đỗ Thị Quỳnh Mai	49	29	7.5	Bảy rưỡi	
51	Lý Quý Minh	50	30	7.0	Bảy	
52	Triệu Văn Minh	51	39	6.0	Sáu	
53	Triệu Thị My	52	59	7.0	Bảy	
54	Lăng Thị Mỹ	53	57	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
55	Chu Thị Nga	54	17	7.5	Bảy rưỡi	
56	Hoàng Thị Phương Ngân	-	-	-	-	Không ĐKDT
57	Nông Thị Ngọc	55	35	7.5	Bảy rưỡi	
58	Lê Văn Nguyên	56	56	6.5	Sáu rưỡi	
59	Phạm Thị Nguyệt	57	28	8.0	Tám	
60	Đoàn Thị Nhạn	58	20	7.0	Bảy	
61	Lê Hồng Nhíp	59	67	7.0	Bảy	
62	Phạm Thị Trang Nhung	60	78	7.5	Bảy rưỡi	
63	Bùi Thị Khánh Ny	-	-	-	-	Không ĐKDT
64	Ngô Thúy Oanh	61	77	7.0	Bảy	
65	Bàn Tài Phú	62	08	7.0	Bảy	
66	Nguyễn Văn Phước	63	10	7.5	Bảy rưỡi	
67	Vũ Văn Phước	64	70	7.0	Bảy	
68	Trần Thị Phụng	65	58	7.5	Bảy rưỡi	
69	Bàn Tài Quý	66	07	7.0	Bảy	
70	Trần Ngọc Quỳnh	67	48	7.0	Bảy	
71	Phạm Huy Sanh	68	06	6.5	Sáu rưỡi	
72	Vũ Thanh Sơn	69	13	7.0	Bảy	
73	Bàn Văn Sơn	70	01	7.0	Bảy	
74	Trịnh Thị Tâm	71	85	7.0	Bảy	
75	Dương Văn Thành	72	81	6.0	Sáu	
76	Bàn Trung Thành	73	18	6.5	Sáu rưỡi	
77	Nguyễn Thị Thảo	74	46	7.0	Bảy	
78	Phạm Thị Phương Thảo	75	11	7.5	Bảy rưỡi	
79	Kiều Xuân Thịnh	76	63	7.0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Hồng Thoa	77	21	8.0	Tám	
81	Hoàng Thị Hồng Thu	78	45	7.0	Bảy	
82	Trần Thị Thương	79	76	6.5	Sáu rưỡi	
83	Lý Thị Thương	80	52	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
84	Nguyễn Thị Bích Thủy	81	22	7.0	Bảy	
85	Phạm Thanh Thủy	82	51	7.0	Bảy	
86	Đỗ Thu Trang	83	27	7.5	Bảy rưỡi	
87	Bàn Trung Tuấn	84	71	6.5	Sáu rưỡi	
88	Nguyễn Vũ Nhật Tuấn	85	88	6.5	Sáu rưỡi	
89	Hoàng Ngọc Tùng	86	86	7.0	Bảy	
90	Trần Sơn Tùng	87	79	7.0	Bảy	
91	Trần Thị Tuyết	88	62	7.0	Bảy	
92	Ngô Thị Thanh Uyên	89	61	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên